TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30-10-2025
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – GIA LAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Duy Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Tuyết;

2. Bà Trương Thị Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, *tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Liệu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2025/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 7 năm 2025 về "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị H, sinh năm: 1974 (vắng mặt, có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 139 T, phường A, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Ông Lê Đình S, sinh năm: 1969 (vắng mặt, có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố T1, phường A, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, các giai đoạn tố tụng tiếp theo, nguyên đơn bà Trương Thị H trình bày:

Trước khi cưới, bà và ông Lê Đình S quen nhau tìm hiểu trong thời gian ngắn. Được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới ngày 25/11/1987 âm lịch, không có đăng ký kết hôn.

Sau khi cưới, vợ chồng sống tại thôn T1, xã N, khoảng một năm sau cha mẹ chồng cho đất vợ chồng xây cất nhà tại số 139 T, N1 ở cho đến nay. Trong thời gian chung sống, ông S quan hệ ngoại tình với nhiều người phụ nữ, không chăm lo cho gia đình. Bà đã nhiều lần bỏ qua và khuyên ông S chấm dứt nhưng ông S không sửa đổi tính tình. Vợ chồng thường xuyên kình cãi nhau và ông S đã nhiều lần đánh bà. Vợ chồng không còn sống chung với nhau từ năm 2009 đến nay. Bà xác định không còn tình cảm với ông S nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Bà và ông S có hai người con chung: Lê Minh T2, sinh ngày 18/8/1989 và Lê Minh T3, sinh ngày 21/3/1994. Hiện hai người con chung đã thành niên và có khả năng lao động được nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết con chung.

Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 09/10/2025, bị đơn ông Lê Đình S trình bày:

Trước khi kết hôn, ông và bà H có tìm hiểu nhau trong thời gian ngắn. Cả hai tự nguyện tổ chức lễ cưới vào ngày 25/11/1987 âm lịch và sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Ông và bà H chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn và không còn sống chung với nhau khoảng một năm nay. Bà H yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

Ông và bà H có hai người con chung: Lê Minh T2, sinh ngày 18/8/1989 và Lê Minh T3, sinh ngày 21/3/1994. Hiện hai người con chung đã thành niên và có khả năng lao động được nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết con chung.

Ông không tranh chấp về tài sản chung và nợ chung.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Không công nhận bà Trần Thị Hồng và ông Lê Đình S là vợ chồng.

2. Không giải quyết về con chung.

3. Không giải quyết về tài sản chung.

4. Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Trương Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết "Ly hôn" với ông Lê Đình S có địa chỉ cư trú tại Tổ dân phố T1, phường A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Bà H và ông S vắng mặt tại phiên tòa nhưng có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông S.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H và ông S đều yêu cầu không tiến hành hòa giải. Theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Do đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải.

[4] Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, bà H và ông S không đăng ký kết hôn nhưng bà H có yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử không công nhận bà H và ông S là vợ chồng.

[5] Bà H và ông S có hai người con chung: Lê Minh T2, sinh ngày 18/8/1989 và Lê Minh T3, sinh ngày 21/3/1994. Hiện hai người con chung đã thành niên và có khả năng lao động được Hội đồng xét xử không xem xét về nghĩa vụ trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

[6] Bà H và ông S không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét.

[7] Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 2 Điều 208, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

- Áp dụng khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không công nhận bà Trương Thị H và ông Lê Đình S là vợ chồng.

2. Không giải quyết về con chung.

3. Không giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

4. Về án phí: Bà Trương Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000274 ngày 15/7/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai. Bà Trương Thị H đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 2, tỉnh Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 2 – Gia Lai;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Lưu: Văn phòng; Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 T. GIA LAI

Võ Duy Minh